SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 401/QĐ-CĐCB

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bản mô tả Chương trình dạy học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non điều chỉnh, cập nhật năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức lại Trường Cao đẳng Sư phạm và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng thành Trường Cao đẳng Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 29/2018/TT-BGDĐT 24 tháng 12 năm 2018 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2020 Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 Thông tư ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 4 năm 2023 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định khung năng lực số;

Căn cứ Quyết định số 307/ QĐ-CĐCB ngày 14/7/2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng về việc ban hành Quy định Phát triển chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Cao Bằng,

Căn cứ Quyết định số 329/ QĐ-CĐCB ngày 24/7/2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng về việc thành lập các Tổ rà soát, điều chỉnh, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm học 2025 – 2026;

- Căn cứ Kế hoạch số 343/KH-CĐCB ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Cao Bằng

Căn cứ đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Cao đẳng Cao Bằng và kết quả phiên họp tổng hợp góp ý chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành

Giáo dục mầm non của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả Chương trình dạy học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non điều chỉnh, cập nhật năm 2025 *(Có Bản mô tả Chương trình dạy học kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và Khoa Sư phạm có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng, khoa, Giám đốc các trung tâm thuộc trường và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo trường;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT&CTHSSV(DN).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

Nguyễn Thị Vân Chi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Điều chỉnh, cập nhật năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 401/QĐ-CĐCB ngày 29/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cao Bằng)

Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non
Mã ngành: 51140201
Loại hình đào tạo: Chính quy
Thời gian đào tạo: 3 năm

Cao Bằng, năm 2025

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	TRANG
1.	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	1
1.1.	Mục tiêu chung	1
1.2.	Mục tiêu cụ thể	1
2.	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN	1
2.1.	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	1
2.2.	Chuẩn đầu ra của học phần	3
3.	NỘI DUNG ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	32
3.1.	Nội dung đào tạo	32
3.2.	Thời gian đào tạo	32
3.3.	Kế hoạch đào tạo	32
4	PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	35
4.1.	Phương pháp giảng dạy và học tập	35
4.2.	Một số phương pháp dạy học chủ yếu	36
5.	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	37
5.1.	Quy trình đánh giá	37
5.2.	Đánh giá trong chương trình	38
5.2.1.	Đánh giá học phần	38
5.2.2.	Đánh giá điểm học phần, điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy	38
5.2.3.	Đánh giá các học phần điều kiện	37
6.	THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CTHD	37
7.	PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	37

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non
Mã ngành: 51140201
Loại hình đào tạo: Chính quy
Thời gian đào tạo: 3 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non có: đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; thực hiện và giải quyết được công việc có tính phức tạp của chuyên ngành giáo dục mầm non; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có hiểu biết căn bản về khoa học cơ bản để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

PO2: Có kiến thức về chương trình GDMN, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

PO3: Có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo để thực hiện chương trình GDMN trong các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.

PO4: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử; tư vấn, hỗ trợ gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

PO5: Sử dụng được tiếng Anh, tin học trong lĩnh vực chuyên môn của ngành.

PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự nhà giáo; tôn trọng và thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực giáo dục, có trách nhiệm công dân. Tự chủ, độc lập, trách nhiệm, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng số 1: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ năng lực
2.1.1. Kiến thức			
1	PLO 1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật Việt Nam, Quốc phòng - An ninh, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo trong hoạt động nghề nghiệp.	3
2	PLO 2	Có kiến thức về công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin - Truyền thông; Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định khung năng lực số cho người học; Ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và nghiên cứu khoa học.	4
3	PLO 3	Vận dụng kiến thức thực tế, kiến thức khoa học giáo dục và kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục mầm non vào thực tiễn chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	4
4	PLO 4	Hiểu và phân tích được kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục mầm non để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện nhân cách của trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với bối cảnh địa phương.	4
2.1.2. Kỹ năng			
5	PLO 5	Giao tiếp sư phạm, ứng xử và truyền đạt có hiệu quả với trẻ em, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng xã hội.	4
6	PLO 6	Có năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam theo Quy định tại thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	4
7	PLO 7	Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và đa văn hóa.	4
8	PLO 8	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với bối cảnh địa phương.	4
9	PLO 9	Lập kế hoạch, xây dựng các công cụ, thu thập và phân tích được dữ liệu đánh giá trong giáo dục mầm non.	4
10	PLO 10	Thực hiện được yêu cầu về quản lý nhóm lớp theo quy định; phát hiện giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo	4

		dục trẻ.	
11	PLO 11	Phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền trẻ em.	4
12	PLO 12	Vận dụng các kiến thức kĩ năng nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, múa, văn học, nhạc cụ trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non phù hợp với văn hóa xã hội của địa phương.	4
2.1.3 . Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm			
13	PLO 13	Thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo, phong cách làm việc khoa học, năng lực số, quy chế dân chủ cơ sở.	4
14	PLO 14	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng trong quá trình làm việc độc lập, theo nhóm; giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện thực tế.	4
15	PLO 15	Quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể, nhà trường về các nhiệm vụ được giao.	4

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Tất cả các học phần có trong chương trình đều có đề cương chi tiết đầy đủ, được trình bày theo mẫu quy định và thể hiện rõ được sự đóng góp cụ thể với chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng.

- Chuẩn đầu ra của mỗi học phần là những mục tiêu cụ thể của học phần, là kết quả của học phần mà người học có thể đạt được sau khi kết thúc học phần.

- Trong đề cương chi tiết mỗi học phần đều có ma trận thể hiện mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy, hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá để đạt được chuẩn đầu ra học phần, ma trận được thiết kế phù hợp, thể hiện rõ từng chương mục của học phần đạt được chuẩn đầu ra cụ thể về yêu cầu kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mỗi mục trong nội dung học phần đều đạt được ít nhất một trong những chuẩn đầu ra cụ thể của học phần, qua đó thể hiện được sự gắn kết giữa các nội dung giảng dạy và đóng góp của từng chương mục nhằm đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo.

Bảng số 2: Chuẩn đầu ra của mỗi học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	CĐR của học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Trình độ năng lực
1. Kiến thức, kỹ năng chung					4
1	KTC5201	Triết học Mác - Lênin	CLO 1.1	Trình bày được nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.	3
			CLO 1.2	Trình bày được quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, về sự tồn tại, vận động của thế giới, về lý luận nhận thức.	
			CLO 1.3	Phân tích được quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của lịch sử - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.	
			CLO 2.1	Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường DVBC và phương pháp luận biện chứng duy vật.	4
			CLO 2.2	Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo.	
			CLO 2.3	Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	
			CLO 3.1	Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.	4
			CLO 3.2	Có cái nhìn khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	
2	KTC5202	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLO 1.1	Hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội nói chung.	3
			CLO 1.2	Phân tích được những vấn đề lý luận về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền và nền kinh tế thị trường; các quy luật kinh tế cơ bản và trong nền kinh tế thị trường.	
			CLO 1.3	Hiểu được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	
			CLO 1.4	Hiểu được tính tất yếu khách quan và nội dung của quá trình công nghiệp hóa,	

				hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.	
			CLO 2.1	Có kỹ năng tự bảo vệ lợi ích chính đáng của mình biết cách giải quyết có căn cứ, khoa học quan hệ lợi ích của mình trong quan hệ lợi ích người lao động, với lợi ích của xã hội khi khởi nghiệp hoặc tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế hiện đại.	4
			CLO 2.2	Có kỹ năng tư duy vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.	
			CLO 2.3	Có kỹ năng tư duy về giải quyết các quan hệ lợi ích giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới thông qua hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh phức tạp hiện nay.	
			CLO 2.4	Có kỹ năng tư duy thích ứng với bối cảnh thế giới có nhiều thách thức.	
			CLO 3.1	Tự học hỏi phục vụ công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời.	4
			CLO 3.2	Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân.	
3	KTC5203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLO 1.1	Có quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay, từ đó vận dụng được kiến thức vào phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội	3
			CLO 1.2	Phân tích được quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.	
			CLO 1.3	Hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về thời kỳ quá độ lên XHCN.	
			CLO 1.4	Có phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu trong phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.	
			CLO2.1	Có khả năng ứng biến, thích nghi khi đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong công việc của bản thân/nhóm/bộ phận/tổ chức.	4
			CLO 2.2	Có kỹ năng vận dụng những tri thức có được phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.	
			CLO 3.1	Tự học hỏi phục vụ công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời.	4
			CLO 3.2	Có tinh thần trách nhiệm hợp tác, tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm trong công việc của bản thân.	
4	KTC5204	Tư tưởng	CLO 1.1	Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	3

		Hồ Chí Minh	CLO 1.2	Nêu được hệ thống quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	
			CLO 1.3	Hiểu, phân tích, đánh giá được những vấn đề lý luận và thực tiễn, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.	
			CLO 2.1	Biết lựa chọn những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp để giảng dạy cho học sinh lứa tuổi mầm non.	3
			CLO 2.2	Biết phê phán, ủng hộ quan điểm đúng đắn và vận dụng được kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng văn hóa, đạo đức để giáo dục học sinh.	
			CLO 3.1	Hiểu và thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.	
			CLO 3.2	Thực hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm xã hội đối với các vấn đề của đất nước.	4
			CLO 3.3	Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và có khả năng lập kế hoạch học tập học phần hiệu quả.	
5	KTC5205	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLO 1.1	Nêu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; về đường lối lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền của Đảng (1930-1945)	
			CLO 1.2	Trình bày được quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)	3
			CLO 1.3	Phân tích được chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)	
			CLO 2.1	Có năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng; phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng và khả năng vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn	
			CLO 2.2	Rèn luyện phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống	3
			CLO 3.1	Nhận thức rõ ý nghĩa học tập của môn học, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng,	4

				định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng	
			CLO 3.2	Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, đất nước, hăng hái tham gia vào phát triển cộng đồng, tuân thủ pháp luật và các quy định của các cấp quản lý giáo dục	
6	KTC5206	Tiếng Anh 1	CLO 1.1	Phát âm đúng và biết cách đọc phiên âm các từ tiếng Anh cơ bản trong bài học.	4
			CLO 1.2	Về mặt ngữ pháp: nắm vững và vận dụng linh hoạt vốn kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở bậc THPT và một số kiến thức ngữ pháp nâng cao, các cấu trúc câu, các thì trong tiếng Anh…	
			CLO 1.3	Về mặt từ vựng: Nắm được một số lượng từ vựng nhất định theo các chủ đề của bài học để có thể sử dụng trong giao tiếp và thể hiện bản thân, nắm được cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng cơ bản như: danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, cụm động từ, cách kết hợp từ và quy tắc cấu tạo từ cơ bản.	
			CLO 2.1	Kỹ năng đọc: - Có thể đọc hiểu được những văn bản ngắn về các chủ đề quen thuộc như thông tin cá nhân, sở thích, thể thao, giáo dục… - Có thể đọc lướt các văn bản có độ dài từ 250 từ - 300 từ để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao.	4
			CLO 2.2	Kỹ năng nói: - Có thể thực hiện các hội thoại đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày - Có thể sử dụng ngôn ngữ đưa ra ý kiến bản thân bày tỏ sự đồng ý hay phản đối các vấn đề dưới hình thức đơn giản. - Có thể nói chuyện, miêu tả một cách ngắn gọn đơn giản các sự kiện, hoạt động. - Trình bày một chủ đề ngắn những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, công việc, sở thích…	
			CLO 2.3	Kỹ năng nghe: - Nghe hiểu các ý chính được truyền tải trong các bài nói. - Nghe hiểu và phân tích được một số thông tin cơ bản.	

			CLO 2.4	Kỹ năng viết: - Có khả năng sử dụng từ, cụm từ và các cấu trúc câu đã học để viết các thể loại văn bản khác nhau ở hình thức đơn giản như: viết thư cá nhân, thư mời, điền mẫu trong các bảng, biểu… - Viết được những đoạn miêu tả ngắn về bản thân, gia đình, công việc, kể lại một sự kiện, chuyến đi…	
			CLO 2.5	Các kỹ năng khác: - Có thể tham gia và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả. - Biết cách khai thác thông tin, tìm kiếm thông tin qua tranh ảnh, sách báo, internet…	
			CLO 3.1	Năng lực tự chủ - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua bạn bè, nghiên cứu sách vở, các loại sách học thêm, đọc thêm các tài liệu…	4
			CLO 3.2	- Có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm với vấn đề học tập của bản thân. - Có thái độ nghiêm túc, trung trực trong việc học, kiểm tra, thi. - Có trách nhiệm với việc tiếp nhận thông tin, kiến thức của bản thân trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống.	
7	KTC5207	Tiếng Anh 2	CLO 1.1	Phát âm đúng và biết cách đọc phiên âm các từ tiếng Anh cơ bản trong bài học.	4
			CLO 1.2	Về mặt ngữ pháp: nắm vững và vận dụng linh hoạt vốn kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở bậc THPT và một số kiến thức ngữ pháp nâng cao, các cấu trúc câu, các thì trong tiếng Anh…	
			CLO 1.3	Về mặt từ vựng: Nắm được một số lượng từ vựng nhất định theo các chủ đề của bài học để có thể sử dụng trong giao tiếp và thể hiện bản thân, nắm được cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng cơ bản như: danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, cụm động từ, cách kết hợp từ và quy tắc cấu tạo từ cơ bản.	
			CLO 2.1	Kỹ năng đọc: - Có thể đọc hiểu được những văn bản ngắn về các chủ đề quen thuộc như thông tin cá nhân, sở thích, thể thao, giáo dục… - Có thể đọc lướt các văn bản có độ dài từ 250 từ - 300 từ để xác định thông tin cần tìm,	4

				tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao	
			CLO 2.2	Kỹ năng nói: - Có thể thực hiện các hội thoại đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày - Có thể sử dụng ngôn ngữ đưa ra ý kiến bản thân bày tỏ sự đồng ý hay phản đối các vấn đề dưới hình thức đơn giản. - Có thể nói chuyện, miêu tả một cách ngắn gọn đơn giản các sự kiện, hoạt động. - Trình bày một chủ đề ngắn những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, công việc, sở thích…	
			CLO 2.3	Kỹ năng nghe: - Nghe hiểu các ý chính được truyền tải trong các bài nói. - Nghe hiểu và phân tích được một số thông tin cơ bản.	
			CLO 2.4	Kỹ năng viết: - Có khả năng sử dụng từ, cụm từ và các cấu trúc câu đã học để viết các thể loại văn bản khác nhau ở hinh thức đơn giản như: viết thư cá nhân, thư mời, điền mẫu trong các bảng, biểu… - Viết được những đoạn miêu tả ngắn về bản thân, gia đình, công việc, kể lại một sự kiện, chuyến đi…	
			CLO 2.5	Các kỹ năng khác: - Có thể tham gia và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả. - Biết cách khai thác thông tin, tìm kiếm thông tin qua tranh ảnh, sách báo, internet…	
			CLO 3.1	Năng lực tự chủ - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua bạn bè, nghiên cứu sách vở, các loại sách học thêm, đọc thêm các tài liệu…	4
			CLO 3.2	- Có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm với vấn đề học tập của bản thân. - Có thái độ nghiêm túc, trung trực trong việc học, kiểm tra, thi. - Có trách nhiệm với việc tiếp nhận thông tin, kiến thức của bản thân trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống.	
8		Tiếng	CLO 1.1	Phát âm đúng và biết cách đọc phiên âm các từ tiếng Anh cơ bản trong bài học.	

	KTC5208	Anh 3	CLO 1.2	- Về mặt ngữ pháp: nắm vững và vận dụng linh hoạt vốn kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở bậc THPT và một số kiến thức ngữ pháp nâng cao, các cấu trúc câu, các thì trong tiếng Anh…	4
			CLO 1.3	- Về mặt từ vựng: Nắm được một số lượng từ vựng nhất định theo các chủ đề của bài học để có thể sử dụng trong giao tiếp và thể hiện bản thân, nắm được cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng cơ bản như: danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, cụm động từ, cách kết hợp từ và quy tắc cấu tạo từ cơ bản.	
			CLO 2.1	Kỹ năng đọc: - Có thể đọc hiểu được những văn bản ngắn về các chủ đề quen thuộc như thông tin cá nhân, sở thích, thể thao, giáo dục… - Có thể đọc lướt các văn bản có độ dài từ 250 từ - 300 từ để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao.	4
			CLO 2.2	Kỹ năng nói: - Có thể thực hiện các hội thoại đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày - Có thể sử dụng ngôn ngữ đưa ra ý kiến bản thân bày tỏ sự đồng ý hay phản đối các vấn đề dưới hình thức đơn giản. - Có thể nói chuyện, miêu tả một cách ngắn gọn đơn giản các sự kiện, hoạt động. - Trình bày một chủ đề ngắn những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, công việc, sở thích…	
			CLO 2.3	Kỹ năng nghe: - Nghe hiểu các ý chính được truyền tải trong các bài nói. - Nghe hiểu và phân tích được một số thông tin cơ bản.	
			CLO 2.4	Kỹ năng viết: - Có khả năng sử dụng từ, cụm từ và các cấu trúc câu đã học để viết các thể loại văn bản khác nhau ở hình thức đơn giản như: viết thư cá nhân, thư mời, điền mẫu trong các bảng, biểu… - Viết được những đoạn miêu tả ngắn về bản thân, gia đình, công việc, kể lại một sự kiện, chuyến đi…	
			CLO 2.5	Các kỹ năng khác:	

				- Có thể tham gia và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả. - Biết cách khai thác thông tin, tìm kiếm thông tin qua tranh ảnh, sách báo, internet…	
			CLO 3.1	Năng lực tự chủ - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua bạn bè, nghiên cứu sách vở, các loại sách học thêm, đọc thêm các tài liệu…	4
			CLO 3.2	- Có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm với vấn đề học tập của bản thân. - Có thái độ nghiêm túc, trung trực trong việc học, kiểm tra, thi cử. - Có trách nhiệm với việc tiếp nhận thông tin, kiến thức của bản thân trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống.	
9	KTC5309	Công nghệ thông tin và Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non	CLO 1.1	Biết cách sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo Word	4
			CLO 1 .2	Biết cách sử dụng thành thạo phần mềm trình diễn Powerpoint	
			CLO 1.3	Biết khai thác Internet và tìm kiếm thông tin trên mạng.	
			CLO 2.1	Có thể soạn giáo án bằng phần mền soạn thảo MS Word	4
			CLO 2.2	Thiết kế bằng MS Powerpoint bài giảng đơn giản	
			CLO 2.3	Khai thác Internet hiệu quả phục vụ cho giảng dạy	
			CLO 2.4	Biết sử dụng một số phần mềm, công cụ AI phục vụ công việc chuyên môn.	
			CLO 3.1	Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật về an ninh mạng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin, trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác	4
			CLO 3.2	Học tập tích cực, yêu thích Tin học, quan tâm đến các lĩnh vực liên quan đến Công nghệ thông tin, nâng cao năng lực số. Mong muốn tạo ra các sản phẩm là bài giảng, bài báo cáo hoàn chỉnh, sinh động sử dụng các phần mềm được học. Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp.	
10	KTC5210	Pháp luật-	CLO 1.1	Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam	3

		Quản lý HC nhà nước và QL ngành GD&ĐT	CLO 1.2	Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	
			CLO 1.3	Khái quát một số vấn đề chung về nhà nước, QLHCNN. Nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo.	
			CLO 1.4	Phân tích và thực hiện đúng các quy định của Luật Giáo dục; Thực hiện đúng, linh hoạt điều lệ, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông vào hoạt động thực tiễn; Hiểu biết thực tiễn giáo dục địa phương.	
			CLO 2.1	Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.	3
			CLO 2.2	Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.	
			CLO 2.3	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý hành chính và quản lý ngành giáo dục và đào tạo trong thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	
			CLO 2.4	Thực hiện đúng các quy định của Luật giáo dục, Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trong hoạt động nghề nghiệp.	
			CLO 3.1	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật;	3
			CLO 3.2	Tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.	
			CLO 3.3	Thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường mầm non.	
			CLO 3.4	Quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể, nhà trường về các nhiệm vụ được giao.	
11	KTC5811	Giáo dục quốc		Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong	

		phòng và an ninh		trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.	
12	KTC5312	Giáo dục thể chất	CLO 1.1	Phân tích được các kiến thức khoa học cơ sở cần thiết về nguyên lí kĩ thuật của bộ môn Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền. .	3
			CLO1 .2	Hiểu và phân tích được về kĩ thuật động tác trong tập luyện một số môn thể thao	
			CLO1 .3	Phân tích các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.	
			CLO 2.1	Vận dụng các kĩ thuật động tác của môn học, tăng cường tập luyện để nâng cao thành tích học tập.	3
			CLO 2.2	Hoàn thiện kĩ thuật tham gia thi đấu với các bạn trong lớp để nâng cao trình độ.	
			CLO 3.1	- Yêu thích môn học, có hứng thú và tự giác khi tập luyện - Có ý thức trao đổi, học hỏi bạn bè. Nâng cao ý thức về lối sống, tác phong, đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên.	4
			CLO 3.2	Biết cách tổ chức một giải thi đấu thể thao	
2. Kiến thức, kỹ năng cơ bản					
13	CB5201	Tâm lý học đại cương	CLO 1.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về tâm lí học đại cương: các quan điểm về tâm lý người, khái niệm, đặc điểm, quy luật, hoạt động nhận thức, tình cảm, sự hình thành và phát triển nhân cách.	4
			CLO 1.2	Hiểu, phân tich được tính chất của các khái niệm: tâm lý, tâm lý học,hoạt động, giao tiếp, ý thức, chú ý, cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, tình cảm, ý chí, trí nhớ, nhân cách; mối liên hệ giữa hoạt động và giao tiếp, giữa nhận thức cản tính (cảm giác, tri giác) và nhận thức lý tính (tư duy, tưởng tượng), giữa các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	
			CLO 1.3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài tập, các tình huống trong giáo trình và thực tế.	
			CLO 2.1	Có kỹ năng phân tích và đánh giá các bài tập và tình huống trong giáo trình và thực tế.	4
			CLO 2.2	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành, phát triển khả năng giao tiếp, ứng xử, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động khác.	
			CLO 3.1	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.	4
			CLO 3.2	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.	

			CLO3.3	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.	
14	CB5202	Giáo dục học đại cương	CLO 1.1	Mô tả được các khái niệm và phân biệt được sự khác nhau: giáo dục (nghĩa rộng và nghĩa hẹp); dạy học; giáo dưỡng và một số khái niệm khác.	3
			CLO 1.2	Phân tích được những kiến thức cơ bản về giáo dục: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục; giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân.	
			CLO 1.3	Vận dụng các kiến thức đã được học để giải quyết các bài tập và giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	
			CLO 2.1	Có kỹ năng giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	4
			CLO 2.2	Có kỹ năng phân tích, đánh giá, có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề về giáo dục.	
			CLO 3.1	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.	4
			CLO 3.2	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.	
			CLO3.3	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.	
15	CB5203	Toán cơ bản	CLO 1.1	Phân tích đươc các khái niệm cơ bản về: Tập hợp, Quan hệ, Ánh xạ, Tập hợp số tự nhiên.	4
			CLO 1.2	Hiểu bản chất của tập hợp số tự nhiên, tính chất các phép toán trên tập hợp số tự nhiên.	
			CLO 1.3	Phân tích được phép toán trên tập hợp; các loại quan hệ, ánh xạ thường gặp	
			CLO 1.4	Phân tích hệ đếm và cách ghi số trong hệ g-phân	
			CLO 2.1	Giải được các bài toán cơ bản, đơn giản về: tập hợp, quan hệ, ánh xạ	4
			CLO 2.2	Vận dụng tính chất các phép tính về số tự nhiên vào thực hành giải toán	
			CLO 2.3	Thực hiện được các phép tính trên các hệ ghi số;	
			CLO2.4	Đổi được một số từ hệ ghi số này sang hệ ghi số khác,	
			CLO 3.1	Nâng cao ý thức tìm tòi, phát hiện, tư duy lô gic, khám phá tri thức	4
			CLO 3.2	Ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và giảng dạy sau này.	

16	CB5304	Tiếng Việt, văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	CLO 1.1	Hiểu, phân tich khái niệm, đặc điểm, cấu tạo, chức năng biểu đạt của ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong hoạt động hành chức đọc, viết, nói, nghe. Vận dụng và giải thích được ý nghĩa biểu đạt của các thành phần ngôn ngữ tiếng Việt thực hiện hoạt động giao tiếp nghe, nói, đọc, viết đạt hiệu quả.	4
			CLO1.2	Khái quát được đặc điểm, tiên trình phát triển, thành tựu nội dung, nghệ thuật của văn học viết cho thiếu nhi ở Việt Nam, nước ngoài và địa phương. Cảm thụ được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi.	
			CLO1.3	Phân tích kĩ thuật đọc thành tiếng và kể chuyện diễn cảm các văn bản trong chương trình giáo dục mầm non phù hợp với lứa tuổi và bối cảnh địa phương.	
			CLO 2.1	Vận dụng kiến thức cơ bản của ngôn ngữ tiếng Việt để giải thích, xác định đúng về cấu tạo các thành phần ngôn ngữ như: âm tiết, từ, từ loại, câu, đoạn văn, văn bản; viết đúng chính tả, sử dụng từ đặt câu, tạo lập văn bản đúng cấu tạo, hợp phong cách, có ý nghĩa trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Việt.	4
			CLO 2.2	Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm văn học tiêu biểu viết cho trẻ em được giảng dạy trong chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với bối cảnh địa phương.	
			CLO 2.3	Có kĩ năng đọc và kể chuyện diễn cảm hay, hấp dẫn đối với các văn bản dành cho lứa tuổi mầm non trong chương trình giáo dục mầm non và một số văn bản văn học địa phương dành cho trẻ em.	
			CLO 3.1	Trau dồi đạo đức, lối sống lành mạnh; có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động giao tiếp, hoạt động chăm sóc nuôi dạy trẻ mầm non.	4
			CLO 3.2	Có ý thức học tập nâng cao kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non, phù hợp với bối cảnh địa phương.	
			CLO 3.3	Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, nội dung chương trình của học phần và hoàn thành các nhiệm vụ học tập	
17	CB5205	Mỹ thuật	CLO 1.1	Có hiểu biết cơ bản về mĩ thuật	3
			CLO 1.2	Phân tích được các nguyên tắc, kỹ thuật tạo hình cơ bản; Biết cách làm, cách sử dụng một số đồ dùng trực quan, đồ chơi, vận dụng những kiến thức về môn học để phục vụ công tác giảng dạy	
			CLO 1.3	Biết cách hướng dẫn, đánh giá nhận xét các sản phẩm tạo hình của trẻ mầm non	
			CLO 2.1	Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng vẽ, xé, nặn, cắt, dán,... vào thực hành bài tập cơ bản Cảm thụ được vẻ đẹp các sản phẩm mĩ thuật trong đời sống,	3

			CLO 2.2	- Vận dụng kiến thức làm được đồ chơi, đồ dùng dạy học hấp dẫn, phù hợp - Phân tích nhận xét được sản phẩm tạo hình của trẻ mầm non - Có khả năng sáng tạo mĩ thuật theo các mức độ phù hợp với trình độ được đào tạo.	
			CLO 2.3	Vận dụng công nghệ thông tin trong tìm hiểu và thiết kế sản phẩm mĩ thuật	3
			CLO 3.1	Có lòng say mê tìm hiểu các tác phẩm nghệ thuật, - Đón nhận môn học tự nguyện ,vui vẻ; tự giác; - Có ý thức bảo tồn những giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống	
			CLO 3.2	- Thường xuyên học tập nâng cao kiến thức, kĩ năng sư phạm, yêu nghề, mến trẻ - Sinh viên vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giới thiệu và hướng dẫn trẻ mầm non tập làm các sản phẩm mĩ thuật phù hợp với lứa tuổi, phù hợp với thực tế địa phương.	
			CLO 3.3	Hoàn thành nội dung học tập theo đúng yêu cầu chuyên môn, tích cực tham gia các hoạt động tạo hình	
18	CB5206	Âm nhạc cơ bản	CLO 1.1	Khái quát một số kiến thức cơ bản về âm nhạc; Trình bày, phân tích được một số bài hát trong chương trình mầm non phương pháp tập đọc nhạc.	4
			CLO 1.2	Trình bày, phân tích một số bài tập đọc nhạc trong chương trình và một số bài ttập đọc nhạc được viết ở giọng trưởng, thứ có từ 0 đến 1 dấu hóa thăng, giáng.	
			CLO 1.3	Thể hiện được một số bài hát trong chương trình MN một cách chính xác, biểu cảm.	
			CLO 1.4	Vận dụng các kiến thức âm nhạc cơ bản vào các bài tập đọc nhạc, các bài hát để hát chính xác hơn về cao độ, tiết tấu của bài hát, bản nhạc	
			CLO 2.1	Vận dụng các kiến thức về âm nhạc cơ bản đã học vào thực hành một số các bài hát mới	4
			CLO 2.2	Vận dụng sáng tạo một số kĩ năng ca hát cơ bản để hát một cách chính xác về giai điệu, tiết tấu, thể hiện được sắc thái tình cảm của bài hát	
			CLO 2.3	Rèn luyện và nâng cao kĩ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm.	
			CLO 3.1	Môn Âm nhạc cơ bản là môn nền tảng, cung cấp một số kiến thức, kĩ năng cơ bản cho các môn học khác như: Tổ chức hoạt động âm nhạc, bồi dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức, tác phong của nhà sư phạm.	4
			CLO 3.2	Hình thành, phát triển tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện, đổi mới phương pháp học tập trong quá trình học tập.	
3. Kiến thức, kỹ năng chuyên ngành					
19	CN5201	Đặc	CLO 1.1	Phân tích được các kiến thức về sự phát triển của trẻ em và những yếu tố ảnh	4

		điểm giải phẫu sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non		hưởng đến sự phát triển để từ đó có những tác động cần thiết giúp trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần.	
			CLO1 .2	Sinh viên có kiến thức về đặc điểm giải phẫu sinh lý của người, hiểu được sự khác biệt về giải phẫu sinh lý giữa người lớn và trẻ em, từ đó làm cơ sở cho các biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	
			CLO 1.3	Sinh viên có kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em.	
			CLO 2.1	Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ độ tuổi mầm non.	4
			CLO 2.2	Xác định được vị trí và cấu tạo của các hệ cơ quan trong cơ thể.	
			CLO 2.3	So sánh được sự khác nhau về đặc điểm giải phẫu sinh lý của trẻ mầm non với người trưởng thành.	
			CLO 3.1	Tích cực, tự giác trong học tập, từ đó chủ động liên hệ, vận dụng linh hoạt vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non	4
			CLO 3.2	Có ý thức, thái độ tích cực học tập để có kiến thức làm cơ sở cho việc học tập các môn phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ.	
20	CN5302	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO 1.1	Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của Tâm lý học trẻ em, lịch sử phát triển, phương pháp nghiên cứu, phân tích được những vấn đề lý luận về trẻ em và sự phát triển tâm lý trẻ em; nguồn gốc, cơ chế, động lực, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em, những điều kiện của sự phát triển tâm lý trẻ em và phân chia các thời kỳ phát triển tâm lý trẻ em.	4
			CLO 1.2	Phân tích được sự phát triển tâm lý của trẻ em từ 0 đến 6 tuổi gồm: những yếu tố ảnh hưởng, các lĩnh vực hoạt động và sự phát triển tâm lý của trẻ em.	
			CLO 1.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non trong hoạt động nghề nghiệp.	
			CLO 2.1	Hình thành được kỹ năng phân tích đặc điểm tâm lí trẻ mầm non; kỹ năng hỗ trợ tâm lí cơ bản trong nhà trường giúp trẻ mầm non vượt qua được những khó khăn tâm lí khi tham gia các hoạt động.	4
			CLO 2.2	Hình thành kỹ năng sử dụng các công cụ nghiên cứu để tìm hiểu trẻ mầm non: Mẫu biên bản quan sát, mẫu phỏng vấn; Kỹ năng xử lí, phân tích thông tin thu	4

				thập được về trẻ và sử dụng kết quả tìm hiểu đó để phân loại và lập hồ sơ cá nhân về trẻ.	
			CLO 2.3	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được học về tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non vào việc xử lý các tình huống sư phạm.	
			CLO 3.1	Có ý thức, trách nhiệm trong học tập, rèn luyện những phẩm chất đạo đức cần thiết của người giáo viên như lòng yêu nghề, mến trẻ, tính kiên trì, cẩn thận, có ý thức phê và tự phê.	4
			CLO 3.2	Tự đánh giá và đánh giá hoạt động rèn luyện của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu về chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Tự định hướng, xác định nhiệm vụ, bảo vệ ý kiến cá nhân về các vấn đề tâm lí trẻ mầm non.	
21	CN 5303	Giáo dục học mầm non	CLO 1.1	Hiểu được những vấn đề lý luận chung về giáo dục học mầm non. Phân tích, mô tả được nhiệm vụ, nguyên tắc và các phương pháp giáo dục mầm non cũng như phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	4
			CLO 1.2	Hiểu và vận dụng được cơ sở lý luận về các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, trình bày được các mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- kĩ năng xã hội và thẩm mĩ cho trẻ em lứa tuổi mầm non theo hướng tích hợp các mặt giáo dục.	4
			CLO 1.3	Mô tả được cách thức tổ chức đời sống và các hoạt động cho trẻ em lứa tuổi mầm non: đời sống sinh hoạt, hoạt động với đồ vật và hoạt động học có chủ đích của trẻ em lứa tuổi mầm non. Hiểu được tầm quan trong cũng như vai trò, chức năng nhiệm vụ của nghề giáo viên mầm non.	4
			CLO 2.1	Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục một cách hiệu quả phù hợp với sự phát triển của trẻ và đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra.	4
			CLO 2.2	Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo các lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 2.3	Tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục trẻ trong trường mầm non; xử lý được các tình huống; quản lý được nhóm/lớp ở trường mầm non. Có kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non một cách hiệu quả.	4

			CLO 3.1	Ý thức được tầm quan trọng của giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non theo hướng trải nghiệm và giáo dục theo hướng tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm. Tôn trọng sự khác biệt của trẻ, tích cực học tập và nghiên cứu thực hiện giáo dục theo hướng trải nghiệm và giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	4
			CLO 3.2	Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm của bản thân trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Tích cực nghiên cứu, vận dụng kiến thức giáo dục học mầm non trong thực tiễn giáo dục mầm non. Giáo dục cho sinh viên ý thức, trách nhiệm trong công việc, góp phần rèn luyện những phẩm chất đạo đức cần thiết của người giáo viên như: lòng yêu nghề, mến trẻ, tính kiên trì, cẩn thận, có ý thức phê bình và tự phê bình.	4
22	CN 5304	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	CLO 1.1	Hiểu biết về cơ sở lí luận và thực tiễn của chương trình giáo dục mầm non và việc phát triển chương trình giáo dục.	4
			CLO 1.2	Hiểu các loại kế hoạch về cấu trúc và nội dung của từng loại KH lớp đơn, lớp ghép trong trường MN.	
			CLO 1.3	Phân tích được các quan điểm giáo dục; cách tổ chức các hoạt động GD.	
			CLO 1.4	Phân tích được tầm quan trọng của công tác xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non: Khái niệm, ý nghĩa; Nguyên tắc chung của việc thiết kế MTGD; Quy trình xây dựng MTGD lấy trẻ làm trung tâm.	4
			CLO 2.1	Vận dụng để thiết kế các kế hoạch giáo dục thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.	4
			CLO 2.2	Tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp chủ đề, lấy trẻ làm trung tâm và theo hướng trải nghiệm.	
			CLO 2.3	Vận dụng để thiết kế MTGD lấy trẻ làm trung tâm phù hợp cho các hoạt động ở trường MN	
			CLO 3.1	Sinh viên có ý thức bồi dưỡng kiến thức, nghiên cứu, vận dụng vào chuyên môn trong quá trình học tập ở trường sư phạm và sau khi ra trường. Sinh viên có hứng thú tham gia các hoạt động thực hành theo yêu cầu.	4
23	CN 5205	Giao tiếp sư	CLO 1.1	Phân tích được một số kiến thức cơ bản về giao tiếp và ứng xử sư phạm trong trường mầm non.	4

		phạm mầm non	CLO 2.1	Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản sau: Kỹ năng phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lí. Trên cơ sở đó sinh viên hoàn thiện hoạt động giao tiếp của mình.	4
			CLO 2.2	Kỹ năng sử dụng tối ưu các phương tiện giao tiếp	
			CLO 2.3	Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào công tác tổ chức chăm sóc và giáo dục trẻ.	
			CLO 3.1	Bồi dưỡng cho sinh viên có tình thương yêu đối với trẻ em và thấy được vai trò trách nhiệm của mình trong công tác tổ chức chăm sóc và giáo dục trẻ.	4
			CLO 3.2	Giúp cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của việc giao tiếp, có thái độ đúng đắn khi học học phần, rèn luyện các phẩm chất, các kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp.	
24	CN5206	Múa và phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	CLO 1.1	Khái quát được kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa.	4
			CLO 1.2	Xác định được một số động tác múa dân gian cơ bản của dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Mông, dân tộc Thái, dân tộc Tây Nguyên.	
			CLO 1.3	Phân tích phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non.	
			CLO 1.4	Vận dụng được kiến thức về nghệ thuật múa để xác định một số điệu múa dân gian dân tộc khác.	
			CLO 2.1	Có kĩ năng quan sát, bắt chước, thao tác thuần thục một số động tác múa của các dân tộc Việt Nam cơ bản.	4
			CLO 2.2	Vận dụng sáng tạo kĩ năng tổ chức biên đạo múa cho trẻ mầm non (kĩ năng nghiên cứu tài liệu, kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức biên đạo múa cho trẻ mầm non).	
			CLO 2.3	Rèn luyện và nâng cao kĩ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm.	
			CLO 3.1	Sinh viên nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với việc phát triển toàn diện cho trẻ trong trường Mầm non.	4
			CLO 3.2	Hình thành, phát triển tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện, đổi mới phương pháp học tập trong quá trình học tập.	

4. Kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm					
25	MN5201	Tổ chức hoạt động vui chơi	CLO 1.1	Sinh viên hiểu, phân tích được những kiến thức lý luận cơ bản về hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 1.2	Hiểu, phân tích phương pháp hướng dẫn trò chơi ở trường mầm non và tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt ở trường mầm non	
			CLO 2.1	Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào xây dựng kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non theo hướng đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương	4
			CLO 3.1	Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong quá trình học tập.	4
			CLO 3.2	Tích cực sưu tầm các trò chơi, chủ động, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ.	
26	MN5202	Tổ chức hoạt động tạo hình	CLO 1.1	Hiểu rõ mục đích, nhiệm vụ, vai trò và nội dung của hoạt động tạo hình áp dụng vào thực tế.	4
			CLO 1.2	Hiểu rõ các phương pháp, các hình thức tổ chức HĐTH và vận dụng phù hợp với thực tế ở trường mầm non.	
			CLO 1.3	Lập được kế hoạch cho các hoạt động vẽ, nặn, chắp ghép và cắt xé xếp dán tranh. Vận dụng được các phương pháp đánh giá khả năng tạo hình của trẻ.	
			CLO 2.1	Sinh viên có kỹ năng cơ bản về cách tổ chức và hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch Giáo dục thẩm mỹ theo: Năm, chủ đề, tuần, ngày và đánh giá khả năng tạo hình của trẻ.	4
			CLO 2.2	Có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương vào việc hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình.	
			CLO 3.1	Tích cực, tự giác trong học tập, từ đó chủ động liên hệ, vận dụng linh hoạt vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 3.2	Có một số phẩm chất nhân cách: Kiên trì, chịu khó, tìm tòi sáng tạo. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết những vấn đề phức tạp trong điều kiện thực tế.	
27	MN5203	Tổ chức	CLO 1.1	Phân tích một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc nói chung và tổ chức các	4

		hoạt động âm nhạc		hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non nói riêng.	
			CLO 1.2	Phân tích phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường Mầm non: PP dạy hát; PP dạy nghe nhạc; PP dạy vận động, PP dạy trò chơi âm nhạc.	
			CLO 1.3	Biết lập kế hoạch tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non.	
			CLO 2.1	Có kỹ năng dạy hát cho trẻ, tổ chức cho trẻ nghe nhạc, vận động theo nhạc, tổ chức trò chơi âm nhạc và khả năng cảm thụ âm nhạc.	4
			CLO 2.2	Có kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non (kĩ năng thực hành tập giảng)	
			CLO 2.3	Vận dụng linh hoạt phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	
			CLO 3.1	Phát huy tích cực học tập, tự nghiên cứu và sưu tầm tài liệu ở sinh viên.	4
			CLO 3.2	Hình thành ở sinh viên sự yêu thích âm nhạc.	
28	MN5304	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	CLO 1.1	Có hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trên cơ sở đó, sinh viên được thực hành và rèn luyện các kĩ năng dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0-6 tuổi.	4
			CLO 1.2	Soạn được giáo án về phát triển vốn từ ở lứa tuổi nhà trẻ, phát triển ngôn ngữ mạch lạc và làm quen với chữ cái ở lứa tuổi mẫu giáo. Biết thiết kế kế hoạch thực hiện học phần	
			CLO 1.3	Vận dụng những kỹ năng cơ bản: Biết soạn giáo án và ứng dụng văn học vào trong các hoạt động khác của chương trình giáo dục mầm non	
			CLO 2.1	Có kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ; Phát triển năng lực tự nghiên cứu, có khả năng thích ứng nhanh với công việc và sự thay đổi của chương trình; Biết cách sử dụng các phương tiện dạy học hợp lý.	4
			CLO 2.2	Kỹ năng ứng dụng linh hoạt hoạt động văn học vào các hoạt động học khác trong chương trình giáo dục trẻ mầm non Có kỹ năng tổ chức, thiết kế kế hoạch và đánh giá các hoạt động phát triển ngôn ngữ	
			CLO 3.1	Giáo dục cho sinh viên có quan điểm đúng đắn và tinh thần trách nhiệm trong công tác tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non; Có ý thức rèn luyện ngôn ngữ và các kĩ năng phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	4
			CLO 3.2	Có một số phẩm chất nhân cách: Kiên trì, chịu khó, tìm tòi sáng tạo. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết những vấn đề phức tạp trong điều kiện thực tế	

29	MN5205	Phương pháp làm quen với văn học	CLO 1.1	Hiểu rõ các đặc điểm, vai trò của văn học đối với trẻ mầm non. Nắm được các đặc điểm tâm lý có liên quan đến việc cảm nhận tác phẩm văn học	4
			CLO 1.2	Hiểu được các quy trình tổ chức thực hiện; Biết, hiểu và vận dụng các phương pháp cơ bản cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.	
			CLO 1.3	Vận dụng được các thủ thuật đọc và kể diễn cảm trong các hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện. Biết soạn giáo án và ứng dụng văn học vào trong các hoạt động khác của chương trình giáo dục mầm non	
			CLO 2.1	Sinh viên có kỹ năng cơ bản như biết tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu ứng dụng trong học phần.	4
			CLO 2.2	Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học; Có khả năng nghiên cứu và thích ứng nhanh với công việc; Biết cách sử dụng các phương tiện dạy học hợp lý và ứng dụng hoạt động văn học vào một số hoạt động học khác của trẻ mầm non	
			CLO 3.1	Sinh viên có ý thức học tập, rèn luyện, vận dụng các phương pháp vào trong quá trình thực hiện các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học; Có quan điểm đúng đắn và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động cho trẻ làm quen với văn học ở trường mầm non; Có ý thức rèn luyện kĩ năng đọc thơ và kể chuyện	4
			CLO 3.2	Có một số phẩm chất nhân cách: Kiên trì, chịu khó, tìm tòi sáng tạo. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết những vấn đề phức tạp trong điều kiện thực tế	
30	MN5306	Phương pháp làm quen với toán	CLO 1.1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, những vấn đề chung, các nội dung, các hình thức tổ chức và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với toán	4
			CLO 1.2	Phân tích từng nội dung và phương pháp hướng dẫn hình thành các biểu tượng tập hợp, con số và phép đếm; biểu tượng về hình dạng, kích thước, định hướng về không gian và thời gian cho trẻ mầm non	
			CLO 2.1	Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động hoạt động học toán có chủ đích và ngoài hoạt động học có chủ đích theo hướng tích hợp.	4
			CLO 2.2	Có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương. Kỹ năng thiết kế xây dựng môi trường giáo dục theo hướng tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm.	
			CLO 2.3	Lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của trẻ theo từng năm, từng kỳ, từng tháng và theo từng chủ đề	
			CLO 3.1	Tích cực, tự giác trong học tập, từ đó chủ động liên hệ, vận dụng linh hoạt vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 3.2	Có một số phẩm chất nhân cách: Kiên trì, chịu khó, tìm tòi sáng tạo. Vận dụng	

				được kiến thức, kĩ năng trong quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết những vấn đề phức tạp trong điều kiện thực tế.	
31	MN5307	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	CLO 1.1	Hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản của bộ môn.	4
			CLO 1.2	Phân tích được về yêu cầu, nội dung hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.	
			CLO 1.3	Phân tích được các phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh theo hướng trải nghiệm.	
			CLO 1.4	Hiểu được cách lập kế hoạch và đánh giá hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh.	
			CLO 2.1	Có kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh một cách linh hoạt, sáng tạo; có kỹ năng hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh theo hướng trải nghiệm.	4
			CLO 2.2	Có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương vào việc hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.	
			CLO 3.1	Có quan điểm đúng đắn và tinh thần trách nhiệm trong công tác tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh cho trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 3.2	Có ý thức rèn luyện những phẩm chất đạo đức cần thiết của người giáo viên như: lòng yêu nghề, mến trẻ, tính kiên trì, cẩn thận, có ý thức phê bình và tự phê bình.	
32	MN5208	Phương pháp giáo dục thể chất	CLO 1.1	Phân tích được kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển thể chất trẻ em, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non.	4
			CLO 2.1	Vận dụng hợp lí, hiệu quả các kiến thức đã học vào tổ chức thực hành hướng dẫn trẻ các nhóm bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung, thực hiện bài tập vận động cơ bản, trò chơi vận động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	4
			CLO 2.2	Sinh viên có kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm một cách linh hoạt, sáng tạo.	
			CLO 3.1	Sinh viên nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với việc phát	4

				triển toàn diện cho trẻ trong trường mầm non từ đó có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.	
			CLO 3.2	Có tác phong nhanh nhẹn, kỷ luật, thường xuyên tập luyện thể dục thể thao để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.	
33	MN5309	Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN	CLO 1.1	Hiểu được các kiến thức về sự phát triển của trẻ mầm non ở từng giai đoạn, các tri thức đại cương về khoa học dinh dưỡng.	4
			CLO 1.2	Sinh viên hiểu được các tri thức về dinh dưỡng trẻ em,biết cách tổ chức cho trẻ luyện tập trong giờ thể dục và trò chơi vận động và hiểu được về chức năng của trường mầm non từđó biết cách thực hiện các yêu cầu vệ sinh đối với việc xây dựng và trang thiết bị tiện nghi cho trường mầm non.	
			CLO 1.3	Sinh viên biết các phương pháp chăm sóc trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi khác nhau và phân tích phương pháp chăm sóc trẻở các giai đoạn lứa tuổi	
			CLO 1.4	Sinh viên biết được những nội dung giáo dục thói quen vệ sinh, dinh dưỡng văn minh cho trẻ.	5
			CLO 2.1	Hình thành và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản cần thiết trong việc tổ chức chăm sóc, giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ độ tuổi mầm non.	4
			CLO 2.2	Sinh viên vận dụng những kiến thức để biết cách tổ chức bữa ăn, chăm sóc sức khỏe ở các độ tuổi. Biết hướng dẫn trẻ tạo lập các thói quen vệ sinh, dinh dưỡng và đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ dưới 6 tuổi	
			CLO 2.3	Sinh viên có kỹ năng đánh giá thực tiễn chăm sóc cho trẻ ở trường mầm non	
			CLO 3.1	Tích cực, tự giác trong học tập, từ đó chủ động liên hệ, vận dụng linh hoạt vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 3.2	Có ý thức, thái độ tích cực kiến tạo môi trường giáo dục an toàn cho trẻ.	
34	MN5210	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	CLO 1.1	Hiểu được các tri thức đại cương về bệnh học trẻ em	4
			CLO 1.2	Hiểu rõ các tri thức về bệnh thường gặp ở trẻ em, bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, quản lý tủ thuốc ở trường mầm non.	
			CLO 1.3	Phân tích nội dung, phương pháp đảm bảo an toàn cho trẻ. nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	
			CLO 2.1	Vận dụng tri thức đã học vào chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ độ tuổi mầm non; Có kỹ năng tổ chức, kiến tạo môi trường giáo dục thoải mái, an toàn cho trẻ	4
			CLO 2.2	Nâng cao kỹ năng chăm sóc, giám sát tình trạng sức khỏe và phát hiện sớm bệnh tật để xử trí đúng và kịp thời.	

			CLO 3.1	Tích cực, tự giác trong học tập, từ đó chủ động liên hệ, vận dụng linh hoạt vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.	4
			CLO 3.2	Có ý thức, thái độ tích cực kiến tạo môi trường giáo dục an toàn cho trẻ.	
35	MN5211	Giáo dục hoà nhập cho trẻ MN	CLO 1.1	Hiểu khái niệm, phân loại, nguyên nhân, đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non, quy trình can thiệp sớm giáo dục hòa nhập	4
			CLO 1.2	Hiểu rõ + Khái niệm về các dạng khuyết tật thường gặp + Nguyên nhân, những ảnh hưởng của tật đối với sự phát triển của trẻ + Tổ chức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non	
			CLO 1.3	Phân tích ý nghĩa, nội dung, nguyên tắc hỗ trợ trẻ mầm non trong lớp học hòa nhập và tư vấn trong can thiệp sớm trẻ khuyết tật các dạng cơ bản: khiếm thính, khiếm thị, vận động, khuyết tật trí tuệ, ngôn ngữ và trẻ tự kỷ	
			CLO 2.1	Có kĩ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật trong lớp mầm non hòa nhập	4
			CLO 2.2	Có kĩ năng hỗ trợ, tư vấn trong cộng đồng về công tác can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non	
			CLO 3.1	Tích cực, tự giác trong học tập, chủ động liên hệ, vận dụng linh hoạt vào công tác chăm sóc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật	4
			CLO 3.2	Tích cực tham gia chương trình can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại địa phương	
36	MN5312	Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non	CLO 1.1	Hiểu những kiến thức cơ bản QLGD, quản lý nhà trường: mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp, quá trình, hình thức và thông tin trong QLGD.	4
			CLO 1.2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức vào quản lý nhà trường: Cơ sở pháp lý về công tác quản lý trường MN; xây dựng kế hoạch; quản lý số lượng, chất lượng hoạt động CS, GD, ND trẻ; quản lý tài chính, hành chính, cơ sở vật chất; quản lý đội ngũ giáo viên, công tác xã hội hóa giáo dục, công tác kiểm tra nội bộ và tổ chức lao động khoa học.	
			CLO 1.3	Hiểu và vận dụng được các kiến thức vào quản lý nhóm/lớp ở trường MN: Cơ sở pháp lý về công tác quản lý nhóm/lớp; công tác quản lý nhóm lớp: tìm hiểu trẻ, xây dựng kế hoạch, quản lý trẻ, đảm bảo chất lượng, cơ sở vật chất, công tác	4

				phối hợp với giáo viên và gia đình trong công tác CS và GD trẻ.	
			CLO 1.4	Phân tích một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN	4
			CLO 1.5	Phân tích được những tri thức về khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá	
			CLO 2.1	- Xây dựng được kế hoạch của nhà trường phù hợp với bối cảnh địa phương. - SV tìm hiểu về thực trạng quản lý và đề xuất biện pháp quản lý: số lượng, chất lượng CS, GD, ND trẻ MN; công tác xã hội hóa ở một số trường MN tỉnh Cao Bằng;	4
			CLO 2.2	- Xây dựng được và tổ chức thực hiện kế hoạch của nhóm lớp phù hợp với bối cảnh địa phương. - SV tìm hiểu về thực trạng, nguyên nhân và đề xuất được các biện pháp quản lý số lượng trẻ, tổ chức quản lý nhóm lớp. - Sử dụng được các hình thức phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác CS, GD, ND trẻ MN.	4
			CLO 2.3	Sinh viên có kỹ năng thiết kế một số công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ MN.	
			CLO 2.4	Sinh viên có kỹ năng đánh giá chất lượng cơ sở GDMN, đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của GVMN, chương trình GDMN và đánh giá sự phát triển của trẻ MN	
			CLO 2.5	Sinh viên có kỹ năng xử lý số liệu đánh giá sự phát triển của trẻ MN.	
			CLO 3.1	Thực hiện đúng quy định đạo đức nhà giáo, rèn luyện tác phong làm việc khoa học.	4
			CLO 3.2	Sinh viên vận dụng được các kiến thức, kỹ năng quản lý nhóm lớp; đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá năng lực của cá nhân theo chuẩn nghề nghiệp GVMN trong quá trình làm việc cá nhân, nhóm, thực tập tại trường mầm non.	
			CLO 3.3	Sinh viên có trách nhiệm cá nhân với tập thể về nhiệm vụ được giao.	
*** Thực hành, Thực tập sư phạm**					
37	MN5313	Thực hành sư phạm		Quy định chi tiết về việc thực hành, thực tập sư phạm thực hiện theo văn bản riêng của Nhà trường.	
38	MN5314	Thực tập sư phạm 2			
39	MN5615	Thực tập sư phạm 3			
5. Kiến thức, kỹ năng tự chọn					

40	TC5201	Cơ sở văn hóa Việt Nam và văn hóa địa phương	CLO 1.1	Mô tả được khái niệm văn hóa; cấu trúc, đặc trưng, chức năng cơ bản của văn hóa; mối quan hệ giữa văn hóa và sự phát triển; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tiến trình văn hóa Việt Nam.	4
			CLO 1.2	Giải thích về địa lý hành chính và một số nét văn hóa tiêu biểu địa phương Cao Bằng	
			CLO 2.1	Vận dụng kiến thức đã học để giải thích về chức năng cơ bản của văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa, sự phát triển tiến trình văn hóa Việt Nam và văn hóa địa phương	4
			CLO 2.2	Phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử để hiểu nguồn gốc cũng như bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam.	
			CLO2.3	Sưu tầm, giới thiệu một vài nét văn hóa tiêu biểu tỉnh Cao Bằng: Di tích- thắng cảnh; trang phục dân tộc, ẩm thực, làng nghề, phong tục tập quán…	
			CLO 3.1	Có nhận thức đúng đắn về những giá trị văn hóa Việt Nam, văn hóa địa phương. Từ đó có ý thức giữ gìn, phát huy và bảo vệ và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.	4
			CLO 3.2	Có ý thức và thái độ tích cực, nghiêm túc trong tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng để phục vụ vào quá trình hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non, phù hợp với văn hóa, xã hội ở địa phương.	
			CLO 3.3	Thường xuyên học tập nâng cao kiến thức, kĩ năng sư phạm, yêu nghề, mến trẻ	
41	TC5202	Các chuyên đề đổi mới trong giáo dục mầm non	CLO 1.1	Sinh viên trình bày, phân tích được lí luận cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục học tập dựa trên dự án. Hiểu và biết cách thực hiện giáo dục dạy học dựa trên dự án.	4
			CLO 1.2	Sinh viên có thể trình bày, phân tích cơ sở lí luận về tổ chức hoạt động giáo dục theo STEAM ở trường mầm non và cách Ứng dụng giáo dục STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non	
			CLO 2.1	Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực hiện chương trình giáo dục mầm non một cách hiệu quả, đảm bảo chất lượng và sự phát triển toàn diện phù hợp với trẻ, đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra.	4
			CLO 2.2	Sinh viên có thể thiết kế Ứng dụng giáo dục STEAM trong thực hiện chương	

				trình giáo dục mầm non	
			CLO 3.1	Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của giáo dục theo STEAM và việc học tập dựa trên dự án	4
			CLO 3.2	Thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt của trẻ, tích cực học tập và nghiên cứu Thực hiện giáo dục theo STEAM và giáo dục theo dự án.	
			CLO 3.3	Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập chuyên đề, nghiêm túc tham gia vào các hoạt động trải nghiệm của chuyên đề.	
42	TC5204	Phương pháp NCKH giáo dục MN và Nghiên cứu KHSP ứng dụng trong GDMN	CLO 1.1	Phân tích lí luận cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non.	4
			CLO 1.2	Sinh viên hiểu về khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, phương pháp NCKH; Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các bước NCKH, NCKHSPUD trong giáo dục mầm non.	
			CLO 2.2	Sinh viên có thể thiết kế một đề cương/dự an và tổ chức các hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng sư phạm tại các cơ sở giáo dục mầm non.	4
			CLO 3.1	Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non	4
			CLO 3.2	Xây dựng tinh thần, thái độ tôn trọng, hợp tác với tập thể, cộng sự trong quá trình triển khai, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non tại cơ sở trường học.	
			CLO 3.3	Xây dựng tinh thần, thái độ tôn trọng, hợp tác trong quá trình triển khai, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học	

43	TC5203	Tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường MN			Các HP tự chọn sẽ theo từng khóa học
44	TC5205	Giáo dục môi trường trong trường mầm non			
	6. Môn thay thế thi tốt nghiệp				
45	TT5201	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	CLO 1.1	Phân tích kiến thức cơ bản về kĩ năng sống.	4
			CLO 1.2	Vận dụng các kĩ năng sống vào một số tình huống học tập, sinh hoạt hàng ngày	
			CLO 1.3	Vận dụng kiến thức về kĩ năng sống vào việc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non.	
			CLO 2.1	Sinh viên rèn luyện và nâng cao kĩ năng ứng xử, hợp tác trong các tình huống sinh hoạt hàng ngày	4
			CLO 2.2	Vận dụng sáng tạo kĩ năng giao tiếp lịch sự, lễ phép; Rèn luyện và nâng cao kĩ năng tự phục vụ	
			CLO 3.1	Sinh viên nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với việc phát triển toàn diện cho trẻ trong trường mầm non.	4
			CLO 3.2	Có một số phẩm chất nhân cách: Kiên trì, chịu khó, tìm tòi sáng tạo. Hình thành, phát triển tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện, đổi mới phương pháp học tập trong quá trình học tập.	
46	TT5302	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ MN	CLO 1.1	Phân tích được sự cần thiết phải tiếp cận với giáo dục tích hợp và ý nghĩa, mục tiêu, quan điểm, cơ sở khoa học và chương trình giáo dục mầm non theo hướng tích hợp.	4
			CLO 1.2	Hiểu cách tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non	
			CLO 1.3	Phân tích được sự cần thiết của việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non; Phân tích được khái niệm, yêu cầu, phương pháp, một số hình thức, các giai đoạn và vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non.	

			CLO 2.1	Vận dụng để thiết kế các kế hoạch giáo dục cụ thể cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp.	4
			CLO 2.2	Tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non	
			CLO 3.1	Sinh viên có ý thức bồi dưỡng kiến thức, nghiên cứu, vận dụng vào chuyên môn trong quá trình học tập ở trường sư phạm và sau khi ra trường. Sinh viên có hứng thú tham gia các hoạt động thực hành theo yêu cầu.	4
	7. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (KL5501)			Thực hiện theo Quy định về việc làm Khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non hệ cao đẳng chính quy của Trường Cao đẳng Cao Bằng	

3. NỘI DUNG ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Nội dung đào tạo

Tổng số khối lượng kiến thức chương trình là 98 tín chỉ (không kể các học phần giáo dục thể chất: 3 tín chỉ, giáo dục quốc phòng – an ninh: 8 tín chỉ); Lý thuyết: 40,1%, thực hành: 59,8%.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 54 giờ thực tập; 50 giờ làm bài tiểu luận, bài tập lớn hoặc khóa luận tốt nghiệp; giờ tiếp xúc, tư vấn của giảng viên với sinh viên ngoài giờ lên lớp; số giờ kiểm tra, đánh giá quy định tại Đề cương chi tiết học phần

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Mỗi học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng và được quy định trong Khung chương trình đào tạo.

Có hai loại học phần, học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo, bắt buộc sinh viên phải tích lũy. Học phần tự chọn là học phần bao gồm nội dung kiến thức, kỹ năng cần thiết để sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của cơ sở đào tạo giáo viên nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3.2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế là 03 (ba) năm đối với sinh viên có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian khóa học tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các học phần trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu học học phần thứ nhất đến khi hoàn thành học phần cuối cùng của chương trình và thời gian tối đa để hoàn thành các môn thi tốt nghiệp.

Tổng thời lượng học tập theo thời khóa biểu đối với sinh viên không quá 08 giờ/ ngày tương đương 09 tiết/ngày (trừ nội dung bát buộc phải có nhiều thời gian hơn 8 giờ như thực hành, thí nghiệm...). Không bố trí quá 30 tiết lý thuyết/các học phần/1 tuần; không bố trí quá 18 tiết lý thuyết/1 học phần/tuần; không bố trí quá 05 tiết lý thuyết/1 học phần/ngày.

3.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình được tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Một năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc học phần. Ngoài ra, trong một năm học, có thể tổ chức thêm một học kỳ phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Một học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc học phần.

Căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng và yêu cầu của chương trình đào tạo, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số môn học, học phần cho từng năm học, học kỳ.

Trước khi bắt đầu mỗi khóa học, năm học, học kỳ, Nhà trường phải ban hành và công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ đó.

Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học phải thể hiện ít nhất các nội dung: Số lượng học kỳ, thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, tết đối với các lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh;

Kế hoạch đào tạo đối với học kỳ phải thể hiện ít nhất các nội dung: Thời điểm bắt đầu và kết thúc học kỳ, lịch trình học, thời gian tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, địa điểm thực hiện và giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực hành từng môn học, học phần cho từng lớp học cụ thể.

Bảng số 3: Khung kế hoạch đào tạo

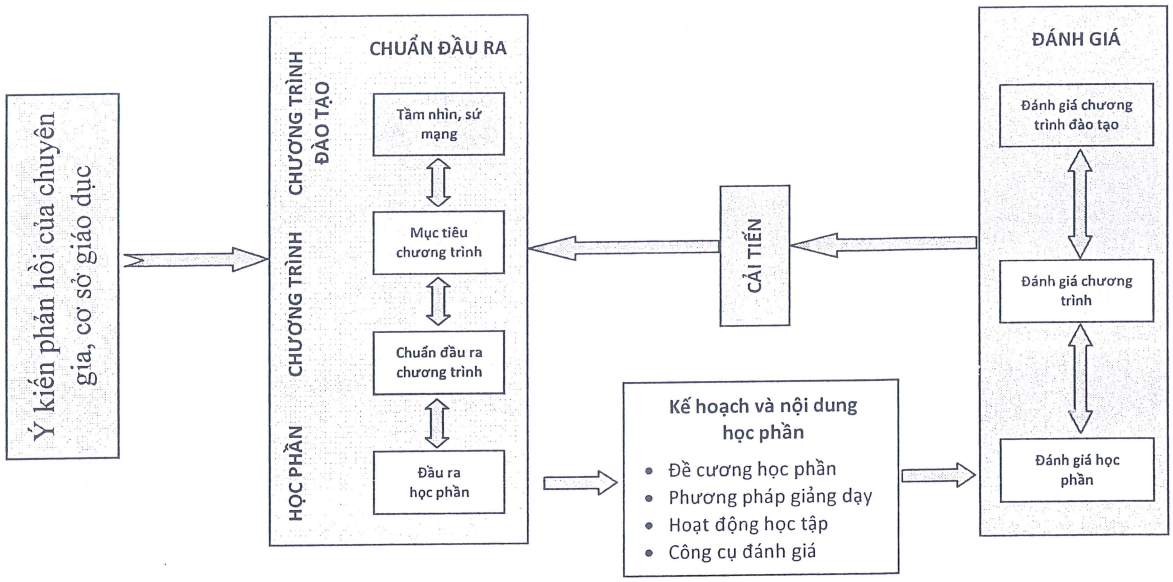
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Học kỳ					
				LT	TH TL TV	Cộng	1	2	3	4	5	6
	1- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUNG											
1	KTC5201	Triết học Mác - Lê Nin	2	25	10	35	35					
2	KTC5202	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	2	25	10	35		35				
3	KTC5203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	25	10	35			35			
4	KTC5204	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	10	35				35		
5	KTC5205	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	25	10	35					35	
6	KTC5306	Tiếng Anh 1	2	15	30	45	45					
7	KTC5207	Tiếng Anh 2	2	15	30	45		45				
8	KTC5208	Tiếng Anh 3	2	15	30	45			45			
9	KTC5309	CN thông tin và Ứng dụng CN thông tin trong Giáo dục mầm non	3	15	60	75		75				
10	KTC5210	Pháp luật -Quản lý HC Nhà nước và QL ngành GD&ĐT	2	25	10	35						35
11	KTC5811	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8*	77	88	165	8*					
12	KTC5312	Giáo dục Thể chất	3*	5	80	85	85					
	2- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN											
13	CB5201	Tâm lý học đại cương	2	25	10	35	35					
14	CB5202	Giáo dục học đại cương	2	25	10	35		35				
15	CB5203	Toán cơ bản	2	25	10	35			35			
16	CB5304	Tiếng Việt, Văn học Thiếu nhi và đọc kể diễn cảm	3	30	30	60	60					
17	CB5205	Mỹ thuật	2	10	40	50	50					
18	CB5206	Âm nhạc cơ bản	2	15	30	45			45			
	3- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH											
19	CN5201	Đặc điểm giải phẫu SL trẻ em lứa tuổi MN	2	25	10	35	35					
20	CN5302	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	30	60	60					
21	CN5303	Giáo dục học mầm non	3	30	30	60		60				
22	CN5304	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN	3	30	30	60				60		
23	CN5205	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	25	10	35			35			
24	CN5206	Múa và phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	2	15	30	45				45		
	4- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ SƯ											

	PHẠM											
25	MN5201	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	30	45			45			
26	MN5202	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	30	45			45			
27	MN5203	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	30	45					45	
28	MN5304	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	30	30	60			60			
29	MN5205	Phương pháp làm quen với văn học	2	15	30	45				45		
30	MN5306	Phương pháp làm quen với toán	3	30	30	60				60		
31	MN5307	PP khám phá khoa học về MTXQ	3	30	30	60					60	
32	MN5208	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	30	45					45	
33	MN5309	Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN	3	30	30	60				60		
34	MN5210	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	15	30	45					45	
35	MN5211	Giáo dục hoà nhập cho trẻ MN	2	15	30	45					45	
36	MN5312	Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non	3	30	30	60					60	
		*** Thực hành, Thực tập sư phạm**										
37	MN5213	Thực hành sư phạm	2		60	60			2*			
38	MN5314	Thực tập sư phạm 2	3		90	90				3*		
39	MN5615	Thực tập sư phạm 3	6		180	180						6*
	5- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN											
40	TC5201	Cơ sở văn hóa Việt Nam và văn hóa địa phương	2*	25*	10*	35*						
41	TC5202	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	2	25	10	35						35
42	TC5203	Tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường Mầm non	2*	25*	10*	35*						
43	TC5204	PP NCKH GDMN và Nghiên cứu KHSPƯD trong GDMN	2	25	10	35					35	
44	TC5205	Giáo dục môi trường trong trường Mầm non	2*	25*	10*	35*						
	6- MÔN THAY THẾ THI TỐT NGHIỆP											
45	TT5201	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	2	25	10	35						35
46	TT5302	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ MN	3	30	30	60						60
	7- KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (KL5501)		5*									
Cộng			**98**	**937**	**1398**	**2335**	**405**	**250**	**345**	**305**	**370**	**165**
		Số tuần học chính khoá					14	9	12	11	13	6
		Số tuần thi học kỳ					2	2	2	2	3	1
		GD quốc phòng - an ninh (tuần)						4				

		Thực hành sư phạm (tuần)							2				
		Thực tập sư phạm 2 (tuần)								4			
		Thực tập sư phạm 3 (tuần)											8
		Ôn và thi thay thế tốt nghiệp											2
		Số tuần trong học kỳ và khoá học					*16*	*15*	*16*	*17*	*16*	*17*	

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

4.1. Phương pháp giảng dạy và học tập của chương trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra chương trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra của chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Sư phạm Trường Cao đẳng Cao Bằng

Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình dạy học được mô tả (bảng 4)

Bảng 4. Chiến lược và phương pháp giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	**Mô tả**	**Phương pháp giảng dạy**
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các môn học lý thuyết, phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar.	* Thuyết giảng * Bài học * Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán * Trình diễn mẫu * Luyện tập và thực hành

Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất cho hoạt động học tập các học phần này như Thực hành bộ môn, Thực hành sư phạm, thực tập sư phạm, tham quan, khóa luận tốt nghiệp.	* Giải quyết vấn đề * Nghiên cứu tình huống * Thực hành
Học tập trải nghiệm	Các môn học trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành SV được thực hành trong các phòng nghiệp vụ như: Phòng tin học; ngoại ngữ; phòng thực hành dinh dưỡng-vệ sinh phòng bệnh đảm bảo bảo an toàn- nghiệp vụ sư phạm; Thực hành sư phạm, thực tập sư phạm tại các cơ sở GDMN; khóa luận tốt nghiệp.	* Mô phỏng * Đóng vai * Trò chơi * Thực hành * Thực tế
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm bài tập thực hành nhóm, thực hành và thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non, tham quan thực tế và khóa luận tốt nghiệp.	*Tranh luận * Thảo luận * Giải quyết vấn đề * Học tập nhóm * Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập	Bài tập cá nhân, hoạt động thực hành, trình bày khóa luận, viết báo cáo, trình bày bài, tự học, tự nghiên cứu; khóa luận tốt nghiệp.	*Phân công công việc cá nhân * Khóa luận tốt nghiệp

4.2. Một số phương pháp dạy học chủ yếu

Phương pháp thuyết trình: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần.

Phương pháp đàm thoại: Phương pháp đàm thoại là phương pháp giảng viên khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để sinh viên trả lời nhằm gợi mở cho sinh viên sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã tích lũy được, nhằm giúp sinh viên củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hóa tri thức đã tiếp thu được.

Phương pháp sử dụng bài tập: Sinh viên sẽ giải bài tập theo nội dung lý thuyết đã học và giảng viên sẽ hướng dẫn, xác nhận kết quả. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập nhằm mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức học phần vào việc giải quyết các bài tập; Rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình cách giải bài tập; Kĩ năng tương tác với tập thể. Từ đó hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của học phần. Rèn luyện kĩ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp dạy học thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của học phần. Mục đích là rèn luyện kĩ năng thực hành nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên, giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Từ đó nâng cao năng lực thực hành trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề: Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là cách thức, con đường mà giảng viên áp dụng trong việc dạy học để làm phát triển khả năng tìm tòi, khám phá độc lập của sinh viên bằng cách đưa ra các tình huống có vấn đề và điều khiển hoạt động của sinh viên nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra. Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề được sử dụng trong phần kiến thức lí thuyết và cả trong phần kiến thức thực hành, thực tập. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu rộng về những nội dung lí thuyết, nội dung thực hành, thực tập của học phần.

Phương pháp dạy học bằng tình huống: Phương pháp dạy học bằng tình huống là giảng viên đưa ra các tình huống (có thật hoặc hư cấu) chứa đựng nội dung bài giảng để sinh viên có bối cảnh trải nghiệm, có điều kiện đưa ra các ý kiến cá nhân, qua đó phát huy tính tích cực của sinh viên trong việc tự phân tích tìm đường đi đến chân lý. Phương pháp tình huống thuyết phục sinh viên bằng chính kinh nghiệm và những suy luận cá nhân rút ra sau khi tham gia vào tình huống. Do đó, những tri thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên thu nhận được trở thành của chính họ, do họ tự nhận thức, không bị áp đặt bởi giảng viên. Phương pháp giảng dạy bằng tình huống, sinh viên sẽ có khả năng làm việc tập thể, làm việc nhóm, tự nghiên cứu, suy luận, tích cực chủ động hơn trong học tập nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

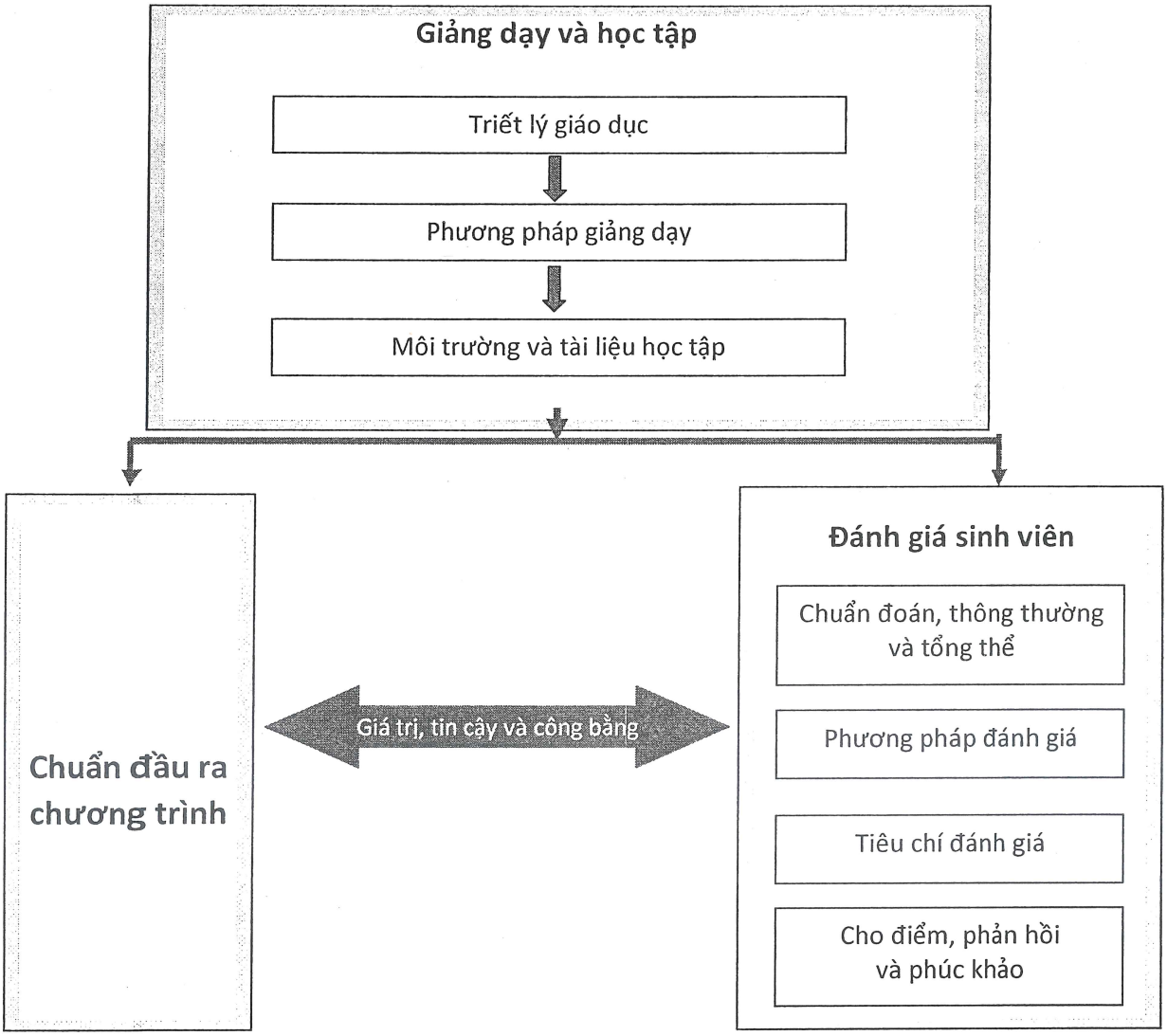
Dạy học theo dự án: Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó sinh viên thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được sinh viên thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan đa lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, bài thi thực hành, bài thi tự luận, thực hành sư phạm, thực tập sư phạm, bài trình bày, nghiên cứu bài tập tâm lý giáo dục nghiên cứu dự án (PBL), trình bày poster; khóa luận tốt nghiệp. Chuẩn đánh giá là các rubrics môn học gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo qui trình [*Hình 2*].

Hình 2. Quy trình giảng dạy, học tập và đánh giá sinh viên



5.2. Đánh giá trong chương trình

5.2.1. Đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành đào Giáo dục mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT- BGDĐT, ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, quy chế thi, kiểm tra của nhà trường.

5.2.2. Đánh giá điểm học phần, điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành đào Giáo dục mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT- BGDĐT, ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, quy chế thi, kiểm tra của nhà trường.

5.2.3. Đánh giá các học phần điều kiện

Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Học phần Giáo dục thể chất đánh giá theo công thức tính Điểm TB các điểm kiểm tra quy định tại Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành đào Giáo dục mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT- BGDĐT, ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, quy chế thi, kiểm tra của nhà trường.

Kết quả đánh giá 02 học phần này không không tính vào điểm TBC học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

6. THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CTHD:

ngày 29 tháng 8 năm 2025

7. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Bản mô tả chương trình dạy học của Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Cao đẳng Cao Bằng./.